TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 257/2026/QĐST – HNGĐ	*Đồng Tháp, ngày 29 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 520/2026/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị A R, sinh năm 1990

Trú tại: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1981

Trú tại: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị A R và anh Nguyễn Thành L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Kiều M, sinh ngày 28/5/2011. Khi ly hôn, chị Lê Thị A R và anh Nguyễn Thành L thoả thuận thống nhất để anh Nguyễn Thành L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Kiều M. Chị Lê Thị A R tự nguyện cấp dưỡng nuôi con

chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2026 cho đến khi Nguyễn Ngọc Kiều M thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Chị Lê Thị A R có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với bên được thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị A R và anh Nguyễn Thành L tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Lê Thị A R và anh Nguyễn Thành L thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị A R tự nguyện chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010599 ngày 22/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên chị Lê Thị A R đã nộp xong án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 36 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Tháp;
- UBND xã T, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Kim Hằng